

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST

Ngày: 14-10-2019

V/v tranh chấp “Giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng
góp hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi

2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 19/5, xã K, huyện K, tỉnh S.

2. *Bị đơn:*

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: số 1/1, ấp 19/5, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 133, ấp P, xã T, huyện P, tỉnh H.

(Chị H và chị Đ có mặt; chị D và anh Tuấn Acùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị H trình bày:

Chị H có tham gia chơi hội do vợ chồng anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D làm đầu thảo. Cụ thể các dây hội sau:

1/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị đã đóng hội sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hội và lãi thì được số tiền 40.000.000 đồng.

2/ Dây hội tháng, mở vào ngày 30/6/2017 âm lịch, gồm 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị đã đóng được 12 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội và lãi thì được số tiền 24.000.000 đồng.

3/ Dây hội tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị đã đóng được 17 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội và lãi thì được số tiền 34.000.000 đồng.

4/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 40 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị đã đóng được 20 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội và lãi thì được số tiền 20.000.000 đồng.

5/ Ngày 06/6/2016 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn Amở 02 dây hội.

+ Dây hội thứ nhất mỗi phần 1.000.000 đồng, chị đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hội chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai mỗi phần 1.000.000 đồng, chị đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hội chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

Cả 02 dây hội này chị đã hốt hội, hiện còn nợ chị D, anh Tuấn A22.000.000 đồng tiền hội chết.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị D và anh Tuấn A phải trả tiền vốn và lãi của các dây hội sau:

+ 01 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hội mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 40.000.000 đồng.

+ 01 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hội mở ngày 30/6/2017 âm lịch là: 24.000.000 đồng.

+ 01 phần hội sống, hội 2.000.000 đồng, đã đóng được 17 kỳ của dây hội mở ngày 10/02/2017 âm lịch là 34.000.000 đồng.

+ 01 phần hội sống, hội 1.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hội mở ngày 20/10/2016 âm lịch là 20.000.000 đồng.

Cộng chung là 118.000.000 đồng

Đối với phần tiền hội chết của các dây hội sau:

+ Dây hội thứ nhất mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ lại 11 kỳ hội chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, còn nợ lại 11 kỳ hội chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

Cộng chung là 22.000.000 đồng.

Chị H đồng ý cần trừ cho chị D và anh Tuấn Anh, xem như xong. Sau khi cần trừ còn lại 96.000.000 đồng chị H yêu cầu chị D và anh Tuấn A phải thanh toán cho chị.

Các bị đơn là chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng vắng mặt.

Theo Tờ tường trình ngày 19/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh Trần Tuấn A là vợ chồng. Chị có tổ chức làm đầu thảo hội, chị Đặng Thị H có tham gia góp hội. Cụ thể các dây hội sau:

1/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị H đã đóng hội sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 20.435.000 đồng.

Ngoài ra, chị H có tham gia dùm cho chị Nguyễn Thị D 01 phần hội, tên danh sách hội viên ghi là “Cô D”. Đối với phần hội này, vợ chồng chị đồng ý thanh toán cho chị H số tiền vốn đã góp. Chị D đã đóng hội sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 20.435.000 đồng.

2/ Dây hội tháng, mở vào ngày 30/6/2017 âm lịch, gồm 33 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị H đã đóng được 12 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 13.250.000 đồng.

3/ Dây hội tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị H đã đóng được 17 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 16.875.000 đồng.

4/ Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 40 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hội viên tên là “thiếu Thật”. Chị H đã đóng được 20 kỳ hội sống, nếu tính tiền vốn góp hội thì được số tiền 12.545.000 đồng.

Cộng chung là: 83.540.000 đồng.

5/ Ngày 06/6/2016 âm lịch, chị có tổ chức 02 dây hụi.

+ Dây hụi thứ nhất mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

Cả 02 dây hụi này chị H hiện còn nợ 22.000.000 đồng tiền hụi chết.

Nay chị D có ý kiến như sau:

Chị D đồng ý trả cho chị H tiền vốn góp hụi của các phần hụi sau:

+ 01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 20.435.000 đồng. (phần hụi ghi tên Thiêm Thật”.

+ 01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 20.435.000 đồng. (phần hụi ghi tên cô Đ”.

+ 01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ của dây hụi mở ngày 30/6/2017 âm lịch là: 13.250.000 đồng.

+ 01 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 17 kỳ của dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch là 16.875.000 đồng.

+ 01 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là 12.545.000 đồng.

Cộng chung là 83.540.000 đồng.

Đối với phần hụi chết của các dây hụi gồm:

+ Dây hụi thứ nhất mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, chị H đã hốt xong, còn nợ lại 11 kỳ hụi **chết với số tiền là 11.000.000 đồng.**

Cộng chung là 22.000.000 đồng.

Chị D đồng ý căn trừ toàn bộ tiền hụi chết nêu trên vào số tiền vốn góp hụi là 83.540.000 đồng, còn lại **61.540.000 đồng** thì chị và anh Tuấn Đồng ý thanh toán cho chị H.

Theo bản tự khai ngày 13/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng. Anh thống nhất theo ý kiến của chị D đã trình bày về số tiền nợ hụi của chị H. Anh Trần Tuấn A cũng đồng ý thanh toán cho chị Đặng Thị H số tiền hụi còn nợ là **61.540.000 đồng.**

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị có tham gia góp hụi do chị D và anh Tuấn A làm đầu thảo, phần hụi ghi tên “Cô Đ”. Cụ thể như sau:

Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, chị nhờ chị H tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là “Cô Đ”. Chị đã đưa tiền cho chị H đóng hụi sống được 20 kỳ (lần), nếu tính tiền vốn góp hụi và lãi thì được số tiền 40.000.000 đồng.

Tiền góp hụi là của chị Đ gửi chị H đóng dùm. Phần hụi này chị đã làm đơn khởi kiện đòi vợ chồng chị D và anh Tuấn Tại Tòa án và được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H là có căn cứ. Bởi lẽ, giữa chị Đặng Thị H cùng vợ chồng chị Nguyễn Thị D, anh Trần Tuấn A có thỏa thuận góp hụi, đồng thời, chị D và anh Tuấn A cũng thừa nhận chị H đã góp số kỳ (lần) hụi sống theo như lời trình bày của chị H. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H nên các ý kiến của chị D và anh Tuấn Về việc xin trả tiền vốn góp hụi là không có căn cứ để xem xét chấp nhận

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều thừa nhận có tổ chức góp hụi tại các dây hụi sau:

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là “thiếu Thật” và đã đóng hụi sống được 20 kỳ hụi sống.

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 30/6/2017 âm lịch, gồm 33 phần, hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là “thiếu Thật” và đã đóng được 12 kỳ hụi sống.

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần, hụi 2.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là “thiếu Thật” và đã đóng được 17 kỳ hụi sống.

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 40 phần, hụi 1.000.000 đồng, nguyên đơn tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên tên là “thiếu Thật” và đã đóng được 20 kỳ hụi sống.

Ngoài ra, các bị đơn cũng thừa nhận và nguyên đơn cũng thống nhất còn nợ các bị đơn tiền hụi chết của các dây hụi sau:

+ Dây hụi thứ nhất mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, nguyên đơn còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai mở ngày 06/6/2016 âm lịch, mỗi phần 1.000.000 đồng, nguyên đơn còn nợ lại 11 kỳ hụi chết với số tiền là 11.000.000 đồng.

Cộng chung là 22.000.000 đồng.

Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến của các bị đơn cho rằng, phần hội ghi tên “Cô Đ” là hội của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn lại có ý kiến không thừa nhận và khẳng định đây là hội do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Đ tham gia. Xét thấy, lời trình bày này của các bị đơn là không có cơ sở đáng tin. Bởi lẽ, trong danh sách hội viên mà các bị đơn giao cho những thành viên góp hội cũng thể hiện tên người tham gia là “Cô Đ” chứ không phải ghi tên “thiếu Thật” như những dây hội trên. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định, nguyên đơn có tham gia góp hội do các bị đơn làm đầu thảo tại những dây hội được liệt kê nêu trên là sự thật.

[2] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hội còn nợ của các dây hội sau:

- + Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hội 2.000.000 đồng, đã đóng hội sống được 20 kỳ hội sống với số tiền là 40.000.000 đồng.

- + Dây hội tháng, mở vào ngày 30/6/2017 âm lịch, gồm 33 phần, hội 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ hội sống với số tiền là 24.000.000 đồng.

- + Dây hội tháng, mở vào ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần, hội 2.000.000 đồng đã đóng được 17 kỳ hội sống với số tiền là 34.000.000 đồng.

- + Dây hội tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 40 phần, hội 1.000.000 đồng, đã đóng được 20 kỳ hội sống với số tiền là 20.000.000 đồng.

Cộng chung là 118.000.000 đồng.

Do nguyên đơn còn nợ lại các bị đơn 22.000.000 đồng tiền hội chết nên nguyên đơn đồng ý khấu trừ và chỉ yêu cầu các bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là **96.000.000 đồng**.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hội với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng, tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Mặc dù hiện nay các dây hội mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo đã ngưng góp hội sống, nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục góp hội chết của các thành viên khác và cũng thực hiện việc khấu trừ cả tiền hội chết đối với những phần hội mà nguyên đơn còn nợ nhưng lại không thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền hội tương ứng số kỳ hội đã đóng là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hội còn nợ là 96.000.000đ là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến của các bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn góp hội cộng chung là 61.540.000 đồng, vấn đề này nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hội. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, các bị đơn được Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% đối với phần tiền án phí phải chịu do có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kế An.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Đặng Thị H **96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng)** tiền nợ hui.

[2] Về án phí:

Chị Đặng Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.515.000 đồng (một triệu năm trăm mười lăm ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0008640 ngày 21/6/2019 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **885.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0000855 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A phải cùng chịu **2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm. (đã giảm 50% theo quy định của pháp luật).

Án xử công khai, chị Đặng Thị H và chị Nguyễn Thị Đ có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy